

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Vườn và ông Lê Kim Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Đồng Trung T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đồng Minh Đ, sinh năm 1959 (có mặt);

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đồng Trung T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2010. Sau ngày cưới chị L về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L là do anh T

thường bịa đặt ra những chuyện không hề có rồi xúc phạm chị, thậm chí còn đánh chị vài lần. Lần gần nhất vào ngày 29/9/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn là anh Đồng Trung T trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn như chị L trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T do chị L không tuân thủ những nội quy gia đình, đối nội đối ngoại lệch lạc và anh nghi ngờ chị L ngoại tình dẫn đến việc anh có tát chị L. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh không muốn con anh sống thiếu bố, thiếu mẹ.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đồng Trung Thái B, sinh ngày 16/9/2013. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm tại Công ty cổ phần đầu tư Tam Đảo, địa chỉ: xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, mức lương thu nhập khoảng hơn 13.000.000đ/1 tháng. Phía anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm tại Công ty TNHH Hoàn Mỹ, địa chỉ: phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, mức lương thu nhập khoảng hơn 7.000.000đ - 8.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung: Theo chị L, vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012 do hai vợ chồng xây trên mảnh đất của bố mẹ chồng là ông Đ, bà H (đất đứng tên ông Đ) có địa chỉ tại khu 7, thôn S, xã H, huyện T. Khi xây nhà chị có đưa cho anh T số tiền 90.000.000đ, khi đưa tiền cho anh T chỉ có chị và anh T, ngoài ra không có ai biết. Sau đó thì việc xây nhà như thế nào chủ yếu là do ông Đ đứng ra, 01 sổ tiết kiệm gửi khoảng năm 2013 đến tháng 10 năm 2018 đứng tên anh T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo có trị giá là 330.000.000đ, 02 xe máy gồm 01 chiếc Wave alpha đứng tên chị L, 01 xe Airblade đứng tên anh T, 02 bộ bàn ghế, 01 ti vi, 01 kệ ti vi, 02 tủ quần áo, 01 điều hòa, 01 máy giặt và 01 tủ lạnh. Toàn bộ các tài sản này là do chị và anh T tạo dựng được. Hiện toàn bộ tài sản anh T đang quản lý sử dụng. Tổng giá trị tài sản khoảng 720.000.000đ, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản. Riêng đối với tài sản là ngôi nhà chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tính công sức đóng góp xây nhà cho chị còn đối với chiếc xe Airblade mua năm 2013 đứng tên anh T chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh T: Anh và chị L không có tài sản chung, nhà 2 tầng và đất tại khu 7, thôn Sơn Long là của bố mẹ anh là ông Đồng Minh Đ và bà Lê Thị H xây

từ năm 2012 đến cuối năm 2013 cho 2 vợ chồng anh ra ở riêng, anh và chị L không hề có đóng góp gì đối với ngôi nhà này, cũng không có việc chị L đưa tiền cho anh như chị L trình bày; đối với 01 sổ tiết kiệm trị giá 330.000.000đ gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo đứng tên anh là do bố mẹ anh cho riêng anh để làm ăn; 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc Wave alpha đứng tên chị L, 01 xe Airblade đứng tên anh, hai chiếc xe này đều do anh mua và là tài sản của anh. 02 bộ bàn ghế, 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 điều hòa, 01 kệ ti vi, 02 tủ quần áo, 01 máy giặt, đều là do bố mẹ anh cho, hai vợ chồng anh không mua sắm được vật dụng gì trong nhà. Hiện tại toàn bộ tài sản này anh đang quản lý sử dụng.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Hai bên xác nhận vợ chồng không nợ ai, không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đồng Minh Đ và bà Lê Thị H trình bày: Anh T là con ông bà, chị L là con dâu. Anh T và chị L kết hôn vào tháng 12 năm 2010. Sau khi tổ chức cưới, chị L về làm dâu và chung sống cùng vợ chồng ông bà. Từ khi về làm dâu, chị L không hề có đóng góp hay mang tài sản gì về gia đình. Trong quá trình chung sống, anh T và chị L chỉ mua sắm được các vật dụng để anh chị sử dụng, đối với đất và nhà của ông bà thì anh T, chị L không hề cải tạo, sửa chữa gì, không có đóng góp gì thêm đối với tài sản này. Các khoản lương, thu nhập của anh T, chị L như thế nào ông bà cũng không rõ vì anh T, chị L không đưa cho ông bà khoản tiền nào. Đối với ngôi nhà mà anh T và chị L đang ở là do ông bà xây dựng từ năm 2012, mọi chi phí là của ông bà, xây xong thì ông bà ở nhà đó khoảng 1 năm đến cuối năm 2013 ông bà mới cho vợ chồng anh T chị L mượn để ở chứ ông bà không cho. Đến nay, chị L yêu cầu chia tài sản chung trong đó có ngôi nhà, ông bà không đồng ý vì đây là tài sản của ông bà. Khoản tiền 330.000.000đ anh T gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tam Đảo là tiền của con trai ông là anh Đồng Trung P, đến khi chị L làm đơn xin ly hôn ông đã rút tiền trả lại cho anh P. Đối với tài sản của anh T, chị L đã trình bày quan điểm của ông bà thì xe máy đứng tên ai thì giao cho người đó, các tài sản còn lại ông bà không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tính công sức đóng góp của chị L, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Đồng Trung Thái B cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Xác nhận khối tài sản chung của vợ chồng anh T, chị L gồm: 01 xe Wave alpha trị giá 6.000.000đ đứng tên chị L; 01 bộ bàn ghế gỗ hương trị giá 20.000.000đ; 01 bộ bàn ghế ăn trị giá 2.000.000đ; 1 ti vi 49 inch trị giá 8.000.000đ; 01 kệ ti vi trị giá 5.000.000đ; 01 tủ quần áo 3 buồng trị giá 4.000.000đ; 01 tủ quần áo nhôm kính trị giá 2.000.000đ, 01 điều hòa trị giá 2.500.000đ; 01 máy giặt trị giá 500.000đ và 01 tủ lạnh trị giá 500.000đ và số tiền 330.000.000đ anh T đã rút tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo ngày 09/10/2018 chia theo quy định của pháp luật.

Về công sức: Không chấp nhận yêu cầu của chị Lệ về số tiền 90.000.000đ đóng góp vào việc xây nhà, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh T, ông Đ, bà H phải thanh toán cho chị L một khoản tiền công sức trong thời gian sống chung và công sức trông nom duy trì ngôi nhà theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị L và anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đồng Trung T, anh T hiện đang cư trú tại thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Trung T kết hôn với nhau ngày 12 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường sau đó phát sinh mâu

thuần. Theo chị L khai nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường bịa đặt những chuyện không có để xúc phạm chị, thậm chí còn đánh chị vài lần, lần gần nhất là vào ngày 29/9/2018. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, giữa chị và anh T không quan tâm gì đến nhau. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn do chị L không tuân thủ những nội quy gia đình, đối nội đối ngoại lệch lạc và nghi ngờ chị L ngoại tình dẫn đến việc anh có tát chị L. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì không muốn con sống thiếu bố, thiếu mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như người thân của anh T, chị L thì thấy vợ chồng chị L, anh T trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn đến thời gian gần đây mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên đánh chửi nhau, không có biện pháp gì hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy giữa chị L và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Đồng Trung Thái B, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2013. Hiện nay cháu B đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị L và anh T đều xin nuôi con và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của hai bên là chính đáng, điều kiện hoàn cảnh hiện tại của các đương sự về khả năng kinh tế để nuôi con là ngang nhau nhưng vì cháu B còn nhỏ, cháu cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn, chị L cũng đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con đảm bảo. Chính vì vậy, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu B, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản:

- Đối với số tiền 330.000.000đ anh T đã rút ngày 09/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo, 02 xe máy gồm 01 chiếc Wave alpha đứng tên chị L, 01 xe Airblade đứng tên anh T, 02 bộ bàn ghế, 01 ti vi, 01 kệ ti vi, 02 tủ quần áo, 01 điều hòa, 01 máy giặt và 01 tủ lạnh. Theo chị L đây là tài sản chung vợ chồng, do hai vợ chồng tích góp tạo dựng. Theo anh T toàn bộ tài sản là bố mẹ anh cho, 02 chiếc xe máy do anh mua, là tài sản của anh. Theo quan điểm của ông Đ, bà H đối với 02 chiếc xe máy thì xe máy đứng tên ai thì giao cho người đó. Các tài sản còn lại là của chị L, anh T ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, phía anh T cho rằng toàn bộ tài sản trên do

bố mẹ anh cho nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh. Vì vậy, cần xác định đây là tài sản chung của vợ chồng cần chia đôi trừ 01 xe máy nhãn hiệu Airblade do chị L không yêu cầu phân chia.

- Đối với 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012 trên mảnh đất đứng tên ông Đồng Minh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BDD511018 có địa chỉ tại khu 7, thôn S, xã H, huyện T. Chị L thừa nhận việc xây nhà do ông Đ, bà H đứng ra xây. Khi xây nhà chị đưa cho anh T số tiền 90.000.000đ nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đưa tiền cho anh T. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như những người làm chứng có đủ cơ sở khẳng định 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012 trên mảnh đất đứng tên ông Đồng Minh Đ có địa chỉ tại khu 7, thôn Sơn Long, xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo do ông Đ, bà H xây. Vì vậy, yêu cầu của chị L về việc phân chia đối với tài sản này không được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu xem xét công sức cho chị trong việc xây dựng, trông coi ngôi nhà là 50.000.000đ. Xét thấy, sau khi cưới chị L về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T, đến cuối năm 2013 thì ra ở riêng trên ngôi nhà được ông Đ, bà H xây đến tháng 10 năm 2018 thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong quá trình sống chung cùng gia đình ông Đ, bà H, chị L không đóng góp, sửa chữa hay kiến thiết được tài sản gì. Vì vậy, yêu cầu xem xét công sức cho chị L trong việc xây dựng, trông coi ngôi nhà với mức 50.000.000đ là cao, không được chấp nhận mà chỉ chấp nhận thanh toán công sức cho chị L trong việc duy trì đời sống chung gia đình và công sức trông nom duy trì ngôi nhà trên khoảng 20.000.000đ là phù hợp.

Vì vậy, cần xác định:

- Tài sản chung của chị L và anh T đem ra phân chia gồm: số tiền 330.000.000đ anh T đã rút ngày 09/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo, 01 xe Wave RS BKS 88E1 – 002.20 (6.000.000đ); 01 bộ bàn ghế gỗ hương vân (20.000.000đ); 01 kệ ti vi (5.000.000đ), 01 ti vi (8.000.000đ), 01 tủ quần áo 03 buồng (4.000.000đ), 01 bộ bàn ghế ăn (2.000.000đ), 01 tủ quần áo nhôm kính (2.000.000đ), 01 tủ lạnh (500.000đ), 01 máy giặt (500.000đ), 01 điều hòa (2.500.000đ). Tổng trị giá là 380.500.000đ. Cần chia cho chị L, anh T mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, kỳ phần mỗi người là 190.250.000đ.

Qua xem xét thẩm định thực tế cũng như nhu cầu sử dụng của các bên, thấy cần giao cho anh T sử dụng toàn bộ số tài sản trên, anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị L số tiền 190.250.000đ.

Ngoài ra, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề gì khác.

[5]. Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản có giá ngạch, anh Đồng Trung T phải nộp án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đồng Trung T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đồng Trung Thái B, sinh ngày 16/9/2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản:

Giao cho anh Đồng Trung T được sở hữu, sử dụng: Số tiền 330.000.000đ đã rút tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tam Đảo ngày 09/10/2018; 01 xe Wave RS BKS 88E1 – 002.20 (6.000.000đ); 01 bộ bàn ghế gỗ hương vân (20.000.000đ); 01 kệ ti vi (5.000.000đ); 01 ti vi (8.000.000đ), 01 tủ quần áo 03 buồng (4.000.000đ); 01 bộ bàn ghế ăn (2.000.000đ); 01 tủ quần áo nhôm kính (2.000.000đ); 01 tủ lạnh (500.000đ); 01 máy giặt (500.000đ) ; 01 điều hòa (2.500.000đ). Tổng trị giá là 380.500.000đ (Ba trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Đồng Trung T phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền cho chị Nguyễn Thị L, số tiền là 190.250.000đ (Một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) .

4. Về công sức: Anh Đồng Trung T, ông Đồng Minh Đ và bà Lê Thị H thanh toán tiền công sức cho chị Nguyễn Thị L là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng)

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 9.512.500đ (5% x 190.250.000đ) án phí chia tài sản có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 10.200.000đ đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0000881, ngày 9/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, trả lại cho chị Lê 387.500đ tiền tạm ứng án phí.

Anh Đồng Trung T phải chịu số tiền 9.512.500đ án phí chia tài sản có giá ngạch.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

